

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ  
QUẢN TRỊ CÔNG TY

Bắc Ninh, tháng 9 năm 2013

Số: 739/QĐ-HĐQT

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 9 năm 2013

**QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**  
(V/v: Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty của  
Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam)

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006;
- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Thông tư số 121/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ tài chính Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Tập Dabaco Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 16/9/2013,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam”.

**Điều 2:** Các ông (bà): Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Giám đốc các Ban chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị thành viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế quản trị công ty ban hành ngày 29/4/2008. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều không còn hiệu lực. *nh*

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Website Công ty;
- Lưu: VP.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Như So



## MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG .....	5
Điều 1: Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh.....	5
Điều 2: Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt.....	5
Chương II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....	7
Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông.....	7
Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông lớn .....	8
Điều 5: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.....	8
Điều 6: Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên.....	9
Điều 7: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên .	10
Chương III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	10
Điều 8: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....	10
Điều 9: Tư cách thành viên Hội đồng quản trị .....	11
Điều 10: Thành phần Hội đồng quản trị .....	12
Điều 11: Quyền của thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 12: Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị .....	13
Điều 13: Cách thức bầu thành viên HĐQT .....	13
Điều 14: Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT .....	14
Điều 15: Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	15
Điều 16: Hợp Hội đồng quản trị .....	15
Điều 17: Thủ lao của Hội đồng quản trị .....	16
Điều 18: Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.....	16
Điều 19: Thư ký công ty .....	16
Điều 20: Đào tạo về quản trị công ty.....	17
Chương IV: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ .....	17

Điều 21: Các tiêu chuẩn để lựa chọn Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng:.....	17
Điều 22. Bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.....	18
Điều 23. Cán bộ quản lý .....	19
Điều 24: Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý.....	19
Điều 25: Các trường hợp từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm cán bộ quản lý .....	20
Điều 26: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm cán bộ quản lý ...	21
<b>Chương V: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>21</b>
Điều 27: Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	21
Điều 28: Tư cách thành viên Ban kiểm soát.....	21
Điều 29: Thành phần Ban kiểm soát.....	22
Điều 30: Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát .....	22
Điều 31: Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	22
Điều 32: Thù lao của Ban kiểm soát.....	23
<b>Chương VI: QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH .....</b>	<b>24</b>
Điều 33: Nguyên tắc làm việc.....	24
Điều 34: Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của HĐQT.....	24
Điều 35: Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát .....	25
Điều 36: Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Tổng giám đốc .....	27
<b>Chương VII: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT .....</b>	<b>28</b>
Điều 37: Đánh giá hoạt động.....	28
Điều 38: Khen thưởng .....	28
Điều 39: Kỷ luật .....	29
<b>Chương VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....</b>	<b>29</b>



Điều 40: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác.....	29
Điều 41: Giao dịch với người có liên quan .....	30
Điều 41: Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty .....	31
<b>Chương IX: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>31</b>
Điều 42: Nghĩa vụ công bố thông tin.....	31
Điều 43: Tổ chức công bố thông tin.....	32
Điều 44: Công bố thông tin về quản trị công ty .....	32
Điều 45: Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành .....	32
<b>Chương X: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM .....</b>	<b>33</b>
Điều 46: Giám sát.....	33
Điều 47: Xử lý vi phạm.....	33
<b>Chương XI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN .....</b>	<b>33</b>
Điều 48: Tổ chức thực hiện .....	33

# QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 7.39/QĐ-HĐQT ngày 16/9/2013  
của HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam)

## Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1: Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (“Quy chế”) được xây dựng và ban hành theo yêu cầu của pháp luật về quản trị công ty cổ phần đại chúng theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Để thực thi một chính sách rõ ràng về Quản trị Công ty, đảm bảo sự phát triển bền vững và minh bạch của Công ty, Quy chế này quy định (i) những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; (ii) quyền hạn, nghĩa vụ và phương thức hoạt động của các cán bộ quản lý, điều hành trong Công ty; (iii) thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty và (iv) quy định các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Người quản lý, Ban kiểm soát khi tham gia vào quá trình quản trị của Công ty.

3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty.

### Điều 2: Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt

1. Các thuật ngữ và từ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

- *Quản trị Công ty*: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người có quyền lợi liên quan đến công ty.

Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm: Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả; Đảm bảo quyền lợi của cổ đông; Đối xử công bằng giữa các cổ đông; Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty; Minh



bạch trong hoạt động của Công ty; Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

- *Điều lệ*: là điều lệ của Công ty, bao gồm mọi sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm sau khi được thông qua hợp lệ.

- *Người có liên quan*: là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 34, Điều 6 Luật Chứng khoán.

- *Công ty*: Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam.

- *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành*: là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

- *Thành viên Hội đồng quản trị độc lập*: là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:

+ Là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

+ Không phải là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) của các công ty con, công ty liên kết, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát;

+ Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của công ty;

+ Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho công ty trong hai (02) năm gần nhất;

+ Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của công ty trong hai (02) năm gần nhất.

- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.

- HĐQT: Hội đồng quản trị.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

## **Chương II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định liên quan khác của pháp luật Việt Nam. Quyền của cổ đông được quy định tại Điều lệ Công ty. Trong đó, một số quyền quan trọng được quy định cụ thể như sau:

1. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

3. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của công ty;

4. Quyền được tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

5. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty;

6. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công ty thì



Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông lớn**

1. Ngoài các quyền cơ bản của cổ đông, cổ đông lớn (trong trường hợp không có đại diện trúng cử HĐQT) có quyền được tham gia cơ chế liên lạc thường xuyên với cổ đông lớn của Công ty.

2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích chính đáng và được pháp luật bảo hộ của công ty và của các cổ đông khác. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 5: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường**

1. Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, gồm các nội dung chính sau:

a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

c. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

d. Cách thức bỏ phiếu;

đ. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;

e. Thông báo kết quả kiểm phiếu;

g. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

h. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;

i. Thông báo quyết định Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;

k. Các vấn đề khác.

2. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.

3. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất.

5. Hàng năm, công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

6. Công ty quy định trong Điều lệ công ty hoặc trong các quy định nội bộ các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

7. Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

#### **Điều 6: Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên**

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;



- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành;
- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

**Điều 7: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ thường niên**

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông.

**Chương III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 8: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT được quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;

- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

3. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của công ty. Cơ chế HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

6. Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT theo phương thức dồn phiếu.

#### **Điều 9: Tư cách thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.

2. Công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.



3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế hoặc là người đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.

#### **Điều 10: Thành phần Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

3. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc bầu mới thành viên Hội đồng quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn có hiệu lực.

4. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.



### **Điều 11: Quyền của thành viên Hội đồng quản trị**

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

### **Điều 12: Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty.

5. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Công ty và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

6. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 13: Cách thức bầu thành viên HĐQT**

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.



Việc bầu dồn phiếu để xác định thành viên HĐQT được quy định trong Quy chế biểu quyết bầu cử do HĐQT quy định. Công ty sẽ nỗ lực trong việc chia sẻ thông tin cho cổ đông thông qua việc chuẩn bị tài liệu hướng dẫn cách dồn phiếu một cách có hiệu quả cho cổ đông.

Việc bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh sẽ được HĐQT thực hiện biểu quyết theo phương thức đối nhân. Kết quả chỉ được thông qua khi đạt tối thiểu từ 65% phiếu thuận.

2. Sau khi trúng cử, Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và (các) Phó Chủ tịch.

#### **Điều 14: Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT**

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

1.1. Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;

1.2. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

1.3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

1.4. Thành viên đó bị cách chức thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHCĐ;

1.5. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng, và trong thời gian này HĐQT không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.

2. Ngoài các trường hợp trên, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại

hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

#### **Điều 15: Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của công ty.

3. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty.

4. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý và quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này.

#### **Điều 16: Họp Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương



trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 17: Thù lao của Hội đồng quản trị**

1. Thù lao của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và được công bố theo quy định.

2. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của công ty và các công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.

3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán, cấp cho từng thành viên Hội đồng quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của công ty.

#### **Điều 18: Các tiểu ban của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị cần thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Tiểu ban nhân sự và tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm trưởng ban.

3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

4. Trường hợp các công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự.

#### **Điều 19: Thư ký công ty**

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị phải chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký công ty. Thư ký công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty bao gồm:

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- Tham dự các cuộc họp;

- Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 20: Đào tạo về quản trị công ty**

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, Thư ký công ty của công ty đại chúng phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

### **Chương IV: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM CÁN BỘ QUẢN LÝ**

**Điều 21: Các tiêu chuẩn để lựa chọn Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng:**

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc/Phó Tổng giám đốc:



- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, nhiệt tình và có uy tín;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế về quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
- Có trình độ đại học trở lên;
- Không phải là thành viên Ban kiểm soát của Công ty;
- Không được đồng thời là Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

## 2. Tiêu chuẩn lựa chọn Kế toán trưởng:

Các tiêu chuẩn và điều kiện cho vị trí Kế toán trưởng như sau:

- Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định của Luật Kế toán;
- Có phẩm chất đạo đức, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý chí chấp hành và đấu tranh bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Công ty;
- Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất là năm (05) năm và có chứng chỉ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng theo đúng quy định của pháp luật về kế toán.

Tùy theo từng giai đoạn phát triển của Công ty, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc do HĐQT quyết định. Các tiêu chuẩn riêng cụ thể cho từng vị trí (ngoại trừ vị trí Tổng giám đốc) sẽ do Tổng giám đốc đề xuất và HĐQT phê chuẩn.

## **Điều 22. Bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành**

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành



phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

### **Điều 23. Cán bộ quản lý**

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Việc bổ nhiệm các cán bộ quản lý (trừ Tổng giám đốc điều hành) gồm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác do HĐQT tìm chọn hoặc Tổng giám đốc đề xuất lựa chọn để giới thiệu cho HĐQT căn cứ vào các tiêu chuẩn và nhu cầu công việc của vị trí cần bổ nhiệm.

3. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

### **Điều 24: Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý**



Thẩm quyền ký kết hợp đồng lao động được quy định tại Điều lệ công ty. Một thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng giám đốc. Tổng giám đốc sẽ ký kết hợp đồng lao động với cán bộ quản lý khác.

HĐQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác, nếu xét thấy cần thiết, cụ thể như:

- Chế tài (phạt hoặc bồi thường) áp dụng khi một bên không thực hiện trách nhiệm của mình;

- Những lợi ích và quyền lợi khác;

- Chi phí bồi thường;

- Điều khoản về tính bảo mật trong thời gian trong hợp đồng cũng như sau khi cán bộ quản lý rời khỏi Công ty với bất cứ lý do gì;

- Cam kết bảo vệ lợi ích của Công ty và các cổ đông;

- Điều kiện chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn.

#### **Điều 25: Các trường hợp từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm cán bộ quản lý**

1. HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi hai phần ba (2/3) thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

2. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng muốn từ chức phải làm đơn gửi HĐQT. HĐQT sẽ xem xét và ra quyết định. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của HĐQT, cán bộ quản lý cấp cao đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

3. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng có thể được HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;

- Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;

- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
- Vi phạm pháp luật chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
- Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

Các trường hợp cách chức các cán bộ quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm có thể được Tổng giám đốc trình HĐQT xem xét.

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng (nếu có).

**Điều 26: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm cán bộ quản lý**

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức cán bộ quản lý, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang Website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

**Chương V: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 27: Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại các Khoản 2, 3, 4 và 6 Điều 8 Quy chế này.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty. Cơ chế đề cử của Ban kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

**Điều 28: Tư cách thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban



kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

#### **Điều 29: Thành phần Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông Công ty làm Trưởng ban. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

2. Các thành viên của Ban kiểm soát do ĐHCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

#### **Điều 30: Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.

2. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên Ban kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 31: Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.



2. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

3. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.

4. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

6. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

### **Điều 32: Thù lao của Ban kiểm soát**

Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty và cho các cổ đông.



## **Chương VI: QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

### **Điều 33: Nguyên tắc làm việc**

1. Quy chế này quy định về phân công, phân cấp trách nhiệm, quy trình làm việc, mối quan hệ công tác, phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc để điều hành công việc có trách nhiệm, rõ ràng, cụ thể, hoàn thành tốt nhiệm vụ do ĐHĐCĐ đề ra, đảm bảo quyền lợi cổ đông và phát triển công ty.

2. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm về phần việc đã được phân công trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.

### **Điều 34: Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của HĐQT**

1. HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền, lợi ích hợp pháp của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT được quy định theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty.

2. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành để phục vụ cho công việc của HĐQT. Các nghị quyết, quyết định và quy chế của HĐQT đã được ban hành có tính chất thi hành bắt buộc với Tổng giám đốc.

3. HĐQT bầu một Chủ tịch HĐQT để quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các thành viên khác đảm nhận các lĩnh vực kinh doanh của công ty do Chủ tịch HĐQT phân công và báo cáo với HĐQT.

4. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo, nghị quyết HĐQT được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc cùng thời gian gửi tới các thành viên HĐQT.

5. Những vấn đề phải giải quyết ngay, không thể triệu tập họp HĐQT theo quy định được xử lý bằng chế độ hội ý giữa Chủ tịch HĐQT với các thành viên HĐQT và Tổng giám đốc (trao đổi trực tiếp hoặc gián tiếp) sau đó báo cáo lại HĐQT trong cuộc họp gần nhất.

6. Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo dõi, phân tích, phát hiện, tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, của HĐQT, các quy định, quy chế của HĐQT, của công ty đã ban hành để kiến nghị của HĐQT sửa đổi (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế và theo quy định của pháp luật.

7. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty nhưng phải được sự đồng ý của Chủ tịch HĐQT. Các thông tin được cung cấp phải đầy đủ, chính xác và bằng văn bản. Trong trường hợp chưa thể cung cấp kịp thời, Tổng giám đốc có trách nhiệm thông báo cho thành viên HĐQT được biết và xác nhận chính xác thời điểm cung cấp. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

8. HĐQT khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

### **Điều 35: Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát là cơ quan có thẩm quyền thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi hoạt động của công ty. Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ và nghĩa vụ của mình một cách độc lập với HĐQT, Tổng giám đốc và phải báo cáo với ĐHĐCĐ.

2. Quyền hạn và trách nhiệm theo quy định theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty.

3. Quan hệ công tác với Ban kiểm soát



- Hoạt động của Ban kiểm soát phải đảm bảo khách quan, trung thực, chấp hành đúng pháp luật, chế độ chính sách của nhà nước, Điều lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ. Chương trình làm việc của Ban kiểm soát phải được thông báo với HĐQT.

- Hoạt động của Ban kiểm soát là giám sát, kiểm soát các thủ tục hành chính; hệ thống sổ sách và kế toán; các quỹ được trích lập; quy trình thanh toán; báo cáo tài chính của công ty.

- Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, bộ phận kiểm toán nội bộ tham gia, trao đổi và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.

- Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát. Yêu cầu về cung cấp thông tin và tài liệu của các thành viên Ban kiểm soát phải được gửi bằng văn bản trực tiếp cho người được yêu cầu.

- Ban kiểm soát bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của ĐHĐCĐ.

- Ban kiểm soát có quyền tham dự cuộc họp của HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không được quyền tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì có quyền yêu cầu xin ghi ý kiến của mình vào biên bản và trực tiếp báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất.

- Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản gửi HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý. Tùy theo mức độ, kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến và ghi vào biên bản. Trường Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất.



- Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước ĐHCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 36: Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Tổng giám đốc**

1. Tổng giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức. Tổng giám đốc điều hành hoạt động hàng ngày của công ty; tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của HĐQT và chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật, Điều lệ trong việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc được quy định theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty.

3. Mọi quan hệ giữa Tổng giám đốc với HĐQT:

- Tổng giám đốc chịu trách nhiệm nghiên cứu xây dựng các phương án hoạt động để trình HĐQT; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho công ty, Tổng giám đốc báo cáo HĐQT để ra quyết định điều chỉnh. Nếu HĐQT không điều chỉnh, Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện theo quyết định của HĐQT nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị trước ĐHCĐ gần nhất.

- Tổng giám đốc có quyền từ chối thi hành hoặc bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của HĐQT nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của nhà nước và báo cáo giải trình ngay với HĐQT và Ban kiểm soát bằng văn bản. HĐQT có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ công ty, nghị quyết và các quyết định của HĐQT.

- Tổng giám đốc được quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hòa hoãn, sự cố bất



ngờ,...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay HĐQT và ĐHĐCĐ trong thời gian gần nhất.

- Tổng giám đốc chịu trách nhiệm giải trình sự thua lỗ, kém hiệu quả, sự cố tài chính,... trong từng thời kỳ và phải có kế hoạch khắc phục trước HĐQT và ĐHĐCĐ. Trường hợp thua lỗ liên tục và/hoặc không xây dựng được phương án tích cực thì HĐQT sẽ nghị quyết bãi nhiệm Tổng giám đốc.

## **Chương VIII: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT**

### **Điều 37: Đánh giá hoạt động**

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của cán bộ quản lý với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: Quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được....

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý theo phân cấp.

4. Trưởng Ban kiểm soát đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên Ban kiểm soát.

Việc đánh giá hoạt động của cán bộ quản lý khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của các cán bộ quản lý này.

### **Điều 38: Khen thưởng**

- Thực hiện theo Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty.

- Nguồn kinh phí được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn.

### **Điều 39: Kỷ luật**

- HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

- Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu của sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

- Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, các cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **Chương IX: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH**

**Điều 40: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.



3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của công ty.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 41: Giao dịch với người có liên quan**

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của công ty hay lũng đoạn giá cả.



3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

**Điều 41: Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty**

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:

a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;

b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

**Chương X: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Điều 42: Nghĩa vụ công bố thông tin**

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Ngoài ra, công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.



2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

**Điều 43: Tổ chức công bố thông tin**

1. HĐQT có trách nhiệm đảm bảo việc công bố thông tin phù hợp với các quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Để đảm bảo tính chính xác và kịp thời, HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin có thể là trợ lý, thư ký Công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.

3. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải là người:

a. Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;

b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;

c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định;

d. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Việc công bố thông tin được thực hiện trên các phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, các ấn phẩm và các trang thông tin điện tử của Công ty.

**Điều 44: Công bố thông tin về quản trị công ty**

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**Điều 45: Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành**

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 40 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trước.

2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành hoặc cổ đông lớn.

3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

## **Chương XII: GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

### **Điều 46: Giám sát**

Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 47: Xử lý vi phạm**

Mọi trường hợp vi phạm hoặc không thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định tại Quy chế này sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Các trường hợp khác vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo nội quy lao động và các quy định nội bộ về chế độ khen thưởng và xử phạt của Công ty. Việc xử lý phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ khác.

## **Chương XI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 48: Tổ chức thực hiện**



1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế quản trị Công ty ban hành ngày 29/4/2008.

2. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy định này phải được Hội đồng quản trị Công ty xem xét và quyết định. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

3. Cổ đông Công ty, thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các ban chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị thành viên chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này. / *Như*

*Bắc Ninh, ngày 16 tháng 9 năm 2013*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Như So**